

Số: /KH-UBND

Dân Tiến, ngày tháng 12 năm 2025

KẾ HOẠCH

Thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ và Kế hoạch hành động số 15-KH/TU ngày 12/9/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia

Thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia (sau đây gọi là Nghị quyết số 57-NQ/TW); Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW (sau đây gọi là Nghị quyết số 71/NQ-CP); Nghị quyết số 193/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia (sau đây gọi là Nghị quyết số 193/2025/QH15); Kế hoạch số 219/KH-UBND ngày 14/11/2025 của UBND tỉnh về việc thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ và Kế hoạch hành động số 15-KH/TU ngày 12/9/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; UBND xã Dân Tiến ban hành kế hoạch thực hiện với các nội dung như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Quán triệt, chỉ đạo, triển khai thực hiện đầy đủ, thống nhất các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đề ra tại Nghị quyết số 57-NQ/TW, Nghị quyết số 71/NQ-CP, Nghị quyết số 193/2025/QH15; Kế hoạch hành động số 15-KH/TU; Kế hoạch số 219/KH-UBND đảm bảo tiến độ, chất lượng, hiệu quả, góp phần thúc đẩy hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn xã.

2. Xác định cụ thể các lĩnh vực ưu tiên tập trung phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số gắn với thế mạnh của xã theo định hướng chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, UBND tỉnh; các chỉ tiêu, nhiệm vụ đề ra phải gắn với thời hạn thực hiện (ngắn hạn, trung hạn, dài hạn); phân công rõ đơn vị đầu mối chủ trì, đơn vị phối hợp thực hiện cụ thể; xác định rõ vai trò, trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, nhất là Thủ trưởng cơ quan, đơn vị trong công tác chỉ đạo, triển khai các nhiệm vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

3. Phân bổ nguồn lực (nhân lực, tài chính, vật lực) phù hợp với từng

nhiệm vụ, từng giai đoạn phát triển. Kết hợp chặt chẽ giữa mục tiêu trước mắt và mục tiêu lâu dài; vừa giải quyết các vấn đề, yêu cầu cấp bách, song song với việc xác định các nhiệm vụ có tầm nhìn chiến lược dài hạn để thúc đẩy, triển khai các đột phá chiến lược trong phát triển kinh tế - xã hội, góp phần nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh cấp xã.

4. Thiết lập cơ chế phối hợp chặt chẽ, nhịp nhàng, hiệu quả giữa các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, tổ chức; giữa khu vực công và khu vực tư đảm bảo không trùng lặp, chồng chéo. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, theo dõi, đôn đốc, đánh giá kết quả thực hiện đảm bảo kịp thời, công khai, minh bạch, huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực đi kèm với trách nhiệm giải trình; định kỳ sơ kết, tổng kết, báo cáo kết quả triển khai thực hiện theo quy định.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Tập trung chỉ đạo, triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, Nghị quyết số 71/NQ-CP và Kế hoạch số 219/KH-UBND theo hướng: (1) Nâng cao năng lực nội sinh, sức cạnh tranh của kinh tế địa phương nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm; (2) Thúc đẩy hoạt động đổi mới sáng tạo trong lao động, sản xuất; (3) Xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số hiện đại, minh bạch, hiệu quả, đưa hoạt động quản lý, chỉ đạo, điều hành của tổ chức, cơ quan đảng, nhà nước lên môi trường số, dựa trên dữ liệu, đảm bảo kết nối và vận hành thông suốt giữa các cơ quan trong toàn hệ thống chính trị; hoàn thành tích hợp, kết nối, chia sẻ đồng bộ cơ sở dữ liệu của tỉnh với cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu các ngành; khai thác và sử dụng có hiệu quả tài nguyên số, dữ liệu số; cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, tiện ích số thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp, tạo đột phá trong cải cách hành chính, quản trị công và phát triển bền vững; (4) Thực hiện các nhiệm vụ tái cấu trúc, xây dựng hạ tầng số thông nhất, ổn định, linh hoạt, ưu tiên áp dụng công nghệ điện toán đám mây, bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng, đảm bảo về an toàn, an ninh không gian mạng, an ninh dữ liệu và bảo vệ dữ liệu, từng bước nâng cao chất lượng sống của người dân, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa; (5) Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, phát huy tiềm lực sáng tạo của mọi tầng lớp xã hội, thúc đẩy liên kết vùng về khoa học, công nghệ, đóng góp tích cực vào mục tiêu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đến năm 2030, tầm nhìn 2045.

2. Mục tiêu cụ thể

Xác định các mục tiêu cụ thể theo từng giai đoạn, đảm bảo cụ thể hoá và thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ và giải pháp đã đề ra trong Nghị quyết số 57-NQ/TW, Nghị quyết số 71/NQ-CP, Nghị quyết số 193/2025/QH15, Kế hoạch số 219/KH-UBND (có danh mục chỉ tiêu cụ thể tại Phụ lục I kèm theo).

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

Trên cơ sở các mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể theo từng giai đoạn, để đảm bảo duy trì những chỉ tiêu đã đạt và vượt, tập trung lãnh đạo, chỉ đạo các chỉ tiêu chưa đạt, phấn đấu đạt, cần đặc biệt quan tâm đến tăng cường nguồn lực, đảm bảo

bổ trí kinh phí cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; tăng cường tuyên truyền, hướng dẫn, hỗ trợ để các hợp tác xã, hộ kinh doanh trên địa bàn xã. Tập trung các nhiệm vụ giải pháp sau:

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo

1.1. Lãnh đạo, chỉ đạo việc: (1) Tham mưu triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; (2) Bố trí cán bộ, công chức, viên chức có trình độ, năng lực về khoa học, công nghệ, kỹ thuật đảm bảo thực thi nhiệm vụ ở cơ quan, đơn vị; (3) ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn triển khai thực hiện Kế hoạch hành động số 15-KH/TU; Kế hoạch số 219/KH-UBND của UBND tỉnh, trong đó phân công rõ trách nhiệm cụ thể của các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể liên quan để tổ chức triển khai đồng bộ, hiệu quả các nhiệm vụ.

1.2. Lồng ghép đầy đủ, hiệu quả các nội dung của Nghị quyết số 57-NQ/TW, Nghị quyết số 193/2025/QH15; Nghị quyết số 71/NQ-CP và Kế hoạch hành động số 15-KH/TU; Kế hoạch số 219/KH-UBND vào các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch đầu tư công, chương trình mục tiêu và các đề án trọng điểm của tỉnh, bảo đảm sự thống nhất, đồng bộ trong quá trình triển khai thực hiện.

1.3. Thiết lập cơ chế phối hợp chặt chẽ giữa các ngành, cơ quan, đơn vị; tăng cường sự vào cuộc đồng bộ, hiệu quả của các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể; giao nhiệm vụ, trách nhiệm cụ thể gắn với lộ trình triển khai rõ ràng, bảo đảm thống nhất trong tổ chức thực hiện.

2. Nâng cao nhận thức và quyết tâm chính trị, thông tin, truyền thông

2.1. Tổ chức học tập, quán triệt Nghị quyết số 57-NQ/TW và các văn bản liên quan sâu rộng trong toàn hệ thống chính trị, đến từng cán bộ, công chức, viên chức, hợp tác xã, hộ kinh doanh và người dân

- Thường xuyên tuyên truyền, quán triệt Nghị quyết số 57-NQ/TW và các văn bản liên quan sâu rộng đến các cấp ủy trực thuộc, đến từng đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức, hợp tác xã, hộ kinh doanh và người dân theo hướng tập trung vào các vấn đề cốt lõi của Nghị quyết số 57-NQ/TW bảo đảm ngắn gọn, dễ hiểu, dễ nhớ, dễ thực hiện; gắn kết chặt chẽ với thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội và yêu cầu nhiệm vụ chính trị của cơ quan, đơn vị trên địa bàn xã; hình thức quán triệt cần đa dạng, linh hoạt, phù hợp với từng đối tượng.

- Tăng cường mời chuyên gia, nhà khoa học, doanh nhân có kinh nghiệm thực tiễn trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tham gia chia sẻ, trao đổi tại các hội nghị, tọa đàm, lớp tập huấn; góp phần làm rõ những nội dung cốt lõi của Nghị quyết và kinh nghiệm triển khai phù hợp với thực tiễn địa phương.

2.2. Xây dựng kế hoạch hành động cụ thể, chi tiết, phân công trách nhiệm rõ ràng, xác định thời hạn hoàn thành và chỉ tiêu đánh giá

Xây dựng Kế hoạch hành động cần xác định rõ các mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể

cho từng giai đoạn (năm 2025 đến năm 2030, 2035, 2040, 2045) và cụ thể hóa mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp phù hợp với đặc điểm, tình hình thực tiễn của cơ địa phương.

2.3. Gắn trách nhiệm của người đứng đầu với kết quả thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW; Nghị quyết số 71/NQ-CP; Kế hoạch số 02/KH-BCĐ; Kế hoạch số 15/KH-TU; Kế hoạch số 219/KH-UBND

Người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, tổ chức phải trực tiếp phụ trách, chỉ đạo triển khai, đưa nhiệm vụ chuyên đổi số, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo vào chương trình, kế hoạch công tác hằng năm và chịu trách nhiệm về kết quả triển khai các chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp tại cơ quan, đơn vị mình; tích cực đặt hàng các nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và giải quyết các vấn đề về chuyên đổi số để cải cách hành chính, giải quyết các vấn đề thực tiễn tại cơ quan, tổ chức, đơn vị.

2.4. Đẩy mạnh truyền thông về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyên đổi số trên các phương tiện thông tin đại chúng

- Phát huy vai trò, đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến sâu rộng lợi ích và ý nghĩa thiết thực của phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyên đổi số; tạo sự thống nhất trong nhận thức, hành động và sự đồng thuận trong toàn xã hội; nâng cao hiệu quả tuyên truyền, bảo đảm tính lan tỏa sâu rộng, phù hợp với từng nhóm đối tượng, địa bàn và lĩnh vực; chỉ đạo xây dựng các kênh truyền thông chuyên biệt về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyên đổi số trên trang thông tin điện tử, bản tin, phát thanh của xóm; đồng thời xây dựng chương trình truyền thông riêng cho từng nhóm đối tượng như cán bộ lãnh đạo, chuyên viên, hộ kinh doanh, hợp tác xã, người dân..., bảo đảm nội dung thiết thực, phù hợp với nhu cầu, nhận thức và khả năng tiếp cận của từng nhóm đối tượng trên địa bàn xã.

- Triển khai sâu rộng phong trào “học tập số”, đẩy mạnh phổ cập và nâng cao tri thức số, tri thức về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyên đổi số trong đội ngũ đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động.

- Chỉ đạo tổ chức các phong trào thi đua, đa dạng các hình thức tôn vinh, biểu dương, khen thưởng kịp thời, xứng đáng đối với các tổ chức, cá nhân có thành tích phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyên đổi số, các mô hình tiêu biểu, điển hình trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyên đổi số trên địa bàn.

2.5. Xây dựng văn hóa số, đạo đức nghề nghiệp trong môi trường số

Thực hiện hiệu quả Bộ công cụ đánh giá thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW và Bộ tiêu chí đánh giá chuyên đổi số đối với các nhóm cơ quan nhà nước. Đẩy mạnh công tác tập huấn, tuyên truyền về văn hóa số, đạo đức công vụ, đạo đức nghề nghiệp cho cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức.

3. Hoàn thiện cơ chế, chính sách, đảm bảo nguồn lực

3.1. Chủ động rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền của tỉnh hoặc trình cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung để ban hành chính sách ưu đãi, khuyến khích doanh nghiệp, tổ chức đầu tư vào nghiên

cứu và phát triển, khởi nghiệp sáng tạo, ứng dụng công nghệ số, khuyến khích người dân sử dụng dịch vụ số, tháo gỡ các điểm nghẽn, các rào cản về thể chế, cơ chế chính sách và nguồn nhân lực, tạo điều kiện thuận lợi tối đa cho sự phát triển mang tính đột phá của khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

3.2. Xây dựng kế hoạch phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số xã Dân Tiến giai đoạn 2026 – 2030; huy động sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị trong tổ chức thực hiện; phát huy tinh thần chủ động, sáng tạo, quyết liệt hành động để sớm biến tiềm năng, lợi thế của địa phương thành hiện thực, góp phần phát triển nhanh và bền vững.

3.3. Nghiên cứu, đề xuất cơ chế, chính sách thu hút, trọng dụng nhân tài về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số về làm việc tại các cơ quan nhà nước, các cơ sở đào tạo.

3.4. Đơn giản hóa thủ tục hành chính, tạo thuận lợi tối đa cho người dân, doanh nghiệp, tổ chức hoạt động về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Rà soát, cắt giảm các thủ tục không cần thiết. Ứng dụng công nghệ số để tự động hóa quy trình, giảm thời gian xử lý hồ sơ, cung cấp các dịch vụ công trực tuyến chất lượng cao, phi địa giới hành chính.

3.5. Bố trí đủ nguồn lực (nhân lực, vật lực, tài lực) để triển khai các nội dung, nhiệm vụ đề ra trong Kế hoạch. Tăng tỷ lệ chi ngân sách cho hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đáp ứng yêu cầu, quy định; lồng ghép với các chương trình phát triển kinh tế - xã hội.

4. Đẩy mạnh phát triển hạ tầng số, ứng dụng, dịch vụ số

4.1. Tạo điều kiện cho các doanh nghiệp viễn thông mở rộng vùng phủ sóng băng thông rộng (4G, 5G, cáp quang) đến các khu vực miền núi, khu vực có đông đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống và khu vực có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; bảo đảm người dân được tiếp cận hạ tầng số cơ bản.

4.2. Đưa các hoạt động của cơ quan nhà nước lên môi trường mạng, hướng tới hiệu lực, hiệu quả, công khai, minh bạch; công tác chỉ đạo, điều hành trực tuyến, dựa trên dữ liệu.

4.3. Ứng dụng công nghệ giải quyết vấn đề môi trường, xã hội: Áp dụng giải pháp công nghệ (IoT, AI, GIS...) trong giám sát môi trường, quản lý tài nguyên, cảnh báo thiên tai. Thúc đẩy nông nghiệp thông minh, tiết kiệm năng lượng, sử dụng năng lượng tái tạo, hướng đến phát triển xanh, bền vững.

6. Phát triển nguồn nhân lực

Tăng cường bồi dưỡng kỹ năng số cho cán bộ, công chức, viên chức

- Xây dựng và triển khai chương trình đào tạo kỹ năng số cho đội ngũ cán bộ, lãnh đạo, quản lý. Tham gia các lớp tập huấn chuyên đề định kỳ, cập nhật kiến thức mới, nâng cao năng lực chuyển đổi số trong chỉ đạo, điều hành và thực thi nhiệm vụ. Xây dựng các chương trình đào tạo về quản trị dữ liệu, sử dụng nền tảng số cho lãnh đạo các cấp, tổ chức các lớp tập huấn định kỳ nhằm nâng cao năng lực

kỹ thuật số.

- Tham gia các chương trình đào tạo chuyên sâu về quản lý dữ liệu, quản trị số và an ninh mạng cho đội ngũ cán bộ, công chức, xây dựng mạng lưới cán bộ chuyên trách có năng lực và trách nhiệm cao trong quản lý, điều hành các nhiệm vụ liên quan đến khoa học, công nghệ và chuyển đổi số.

7. Xây dựng chính quyền số, phát triển kinh tế số, xã hội số

7.1. Thực hiện Chương trình chuyển đổi số của tỉnh

- Phát triển các nền tảng số dùng chung, các CSDL dữ liệu số dùng chung, kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị tại địa phương, đẩy mạnh cải cách hành chính, rà soát, tái cấu trúc, số hóa toàn bộ quy trình nghiệp vụ dựa trên công nghệ số.

- Tổ chức triển khai, khai thác hiệu quả các ứng dụng, nền tảng số dùng chung do Trung ương, do tỉnh đầu tư, bảo đảm kết nối, liên thông với hệ thống thông tin của xã.

- Khuyến khích xã hội hóa, hợp tác công - tư trong phát triển hạ tầng số.

7.2. Triển khai các nền tảng số, phát triển chính quyền số, xã hội số

- Tổ chức tích hợp, liên thông các cơ sở dữ liệu chuyên ngành như dân cư, đất đai, doanh nghiệp, ... trên nền tảng số dùng chung của tỉnh; bảo đảm kết nối với hệ thống Trung ương, tích hợp công nghệ trí tuệ nhân tạo (AI) phục vụ phân tích, dự báo, hỗ trợ ra quyết định. Hạn chế tình trạng trùng lặp, phân tán dữ liệu; nâng cao hiệu quả khai thác, sử dụng thông tin phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và quản lý nhà nước.

- Phát triển đồng bộ các hình thức thanh toán số, khuyến khích người dân, doanh nghiệp sử dụng các nền tảng thanh toán không dùng tiền mặt trong mọi lĩnh vực của đời sống. Thúc đẩy chuyển đổi số trong các ngành, lĩnh vực trọng yếu để phát triển kinh tế số, xã hội số, góp phần nâng cao năng suất lao động, năng lực cạnh tranh và chất lượng cuộc sống người dân.

- Đẩy mạnh số hóa hồ sơ, tài liệu, dữ liệu phục vụ quản lý nhà nước; thực hiện toàn diện các hoạt động xử lý công việc, giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công trên môi trường số. Phát triển các ứng dụng tiện ích, nền tảng số chất lượng cao phục vụ hiệu quả công tác chỉ đạo, điều hành của các cơ quan trong hệ thống chính trị trên địa bàn xã, đồng thời đáp ứng tốt nhu cầu giao dịch, tiếp cận thông tin của cán bộ, công chức, người dân và doanh nghiệp.

7.3. Đẩy mạnh phát triển kinh tế số

- Tăng cường hỗ trợ doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, hộ kinh doanh cá thể tiếp cận, ứng dụng các giải pháp chuyển đổi số phù hợp như: Quản lý, marketing, vận hành, kế toán, thanh toán không dùng tiền mặt, thương mại điện tử.

8. Bảo đảm an ninh mạng và chủ quyền số

Thực hiện nghiêm các quy định về an toàn thông tin mạng, an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân

- Bảo vệ nghiêm ngặt Dữ liệu và Thông tin cá nhân: Yêu cầu các cơ quan, đơn vị phải thực hiện nghiêm việc phân loại dữ liệu theo mức độ mật và có cơ chế kiểm soát truy cập chặt chẽ, đa lớp đối với các CSDL, nhất là dữ liệu về dân cư, doanh nghiệp; Bổ sung nhiệm vụ xây dựng quy chế hoặc hướng dẫn cụ thể về bảo vệ dữ liệu cá nhân trong môi trường số, quy định rõ trách nhiệm của các cơ quan quản lý dữ liệu và chế tài xử lý khi để lộ, lọt thông tin.

- Chủ động phòng ngừa, đấu tranh với tội phạm trên không gian mạng, tuyên truyền chuyên sâu về nhận diện, phòng ngừa tội phạm công nghệ cao để trang bị kiến thức "tự vệ" cho người dân và doanh nghiệp.

9. Giám sát, đánh giá và tuyên truyền

- Tăng cường kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện các mục tiêu, yêu cầu, nhiệm vụ đã đề ra tại Kế hoạch, các quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Ban hành quy chế, xây dựng cơ chế giám sát, thành lập đoàn kiểm tra định kỳ, báo cáo kết quả theo tháng, quý, 6 tháng, 1 năm. Thực hiện sơ kết, tổng kết rút kinh nghiệm, điều chỉnh kịp thời mục tiêu, giải pháp phù hợp với yêu cầu thực tiễn.

- Công khai, minh bạch thông tin về các chương trình, chính sách hỗ trợ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- Đẩy mạnh tuyên truyền, nâng cao nhận thức cộng đồng về vai trò, kết quả của việc phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân.

(Có Danh mục chi tiết các nhiệm vụ nêu tại Phụ lục II, III, IV, V kèm theo).

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Văn hóa – Xã hội xã

Căn cứ nội dung Kế hoạch này, chủ động rà soát, nghiên cứu, xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao đảm bảo tiến độ, chất lượng, hiệu quả; định kỳ sơ kết, tổng kết đánh giá tình hình thực hiện gửi Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh.

- Định kỳ hằng tháng, hằng quý, 06 tháng, 01 năm hoặc đột xuất (khi có yêu cầu) báo cáo UBND xã (qua Phòng Văn hóa – Xã hội) về tình hình, kết quả thực hiện Kế hoạch.

2. Các cơ quan, đơn vị

- Động viên, khuyến khích, bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung theo hướng bổ sung, điều chỉnh để phát huy tinh thần sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- Bố trí tỷ lệ cán bộ có chuyên môn, kinh nghiệm về khoa học kỹ thuật trong

đội ngũ lãnh đạo tại cơ quan, đơn vị để hướng tới tối thiểu đạt 25%.

- Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ ứng dụng, khai thác có hiệu quả các nền tảng đào tạo trực tuyến đại trà do Bộ, ngành Trung ương và của tỉnh triển khai.

3. Các trường học trên địa bàn xã

- Triển khai đồng bộ các giải pháp tăng cường giáo dục và hướng nghiệp STEM, thu hút học sinh giỏi theo học các ngành STEM; nghiên cứu, đề xuất xây dựng và triển khai các chính sách phát hiện và bồi dưỡng tài năng STEM từ sớm.

- Thường xuyên rà soát, nâng cao năng lực đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục, đáp ứng yêu cầu trong bối cảnh mới.

4. Công an xã

Tăng cường giám sát trên không gian mạng để kịp thời phát hiện, cảnh báo sớm các nguy cơ mất an toàn, an ninh mạng cho các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và người dân; nghiên cứu, đề xuất triển khai các giải pháp, hệ thống giám sát các nội dung vi phạm pháp luật trên không gian mạng để chủ động phát hiện, ngăn chặn một cách kịp thời, hiệu quả.

5. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã

Chỉ đạo các tổ chức thành viên phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội; tăng cường công tác tuyên truyền, vận động thành viên, đoàn viên, hội viên và Nhân dân tích cực tham gia xây dựng pháp luật, cơ chế, chính sách về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ và Kế hoạch hành động số 15-KH/TU ngày 12/9/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; yêu cầu Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, các trường học trên địa bàn xã căn cứ chức năng, nhiệm vụ, phối hợp triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Thường trực Đảng ủy xã;
- Thường trực HĐND xã;
- Chủ tịch, các PCT UBND xã;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã;
- Các cơ quan, ban, ngành thuộc xã;
- Trung tâm PVHCC xã;
- Trung tâm Dịch vụ tổng hợp xã;
- Lưu: VT, VHXX.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hoàng Văn Thảo